

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 16/5/2011; Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 231/GP-UBND ngày 26/6/2014 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Quân (nay đổi tên thành Công ty TNHH Hoàng Quân) tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Căn cứ Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Hoàng Quân;

Căn cứ Quyết định số 4786/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác mở rộng và nâng công suất mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Xét Đơn (kèm theo hồ sơ) đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 02/12/2019 của Công ty TNHH Hoàng Quân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 156/TTr-STNMT ngày 21 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Hoàng Quân (Mã số doanh nghiệp: 2800787848 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, có địa chỉ tại Đội 2, Xuân Lưu, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá) được khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 76.367,5 m²; trong đó, khu vực khai thác là 53.702,5 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 11, 24, 5, 6, 7 và 8; khu vực khai trường là 22.665 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 8, 7, 23, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, 15 và 10, có toạ độ xác định tại Phụ lục 1 và Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Mức sâu khai thác: Thấp nhất +31 m.

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 1.581.822 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 79.090 m³ đá khối để xẻ.

+ Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác đến thời điểm lập dự án đầu tư (ngày 30/01/2019): 1.135.923 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 56.796 m³ đá khối để xẻ.

+ Trữ lượng được phép khai thác đến năm thứ 30: 900.000 m³, trong đó có 45.000 m³ đá khối để xẻ.

- Thân khoáng: Dạng khối.

- Công suất khai thác: 30.000 m³/năm.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: 30 năm.

Điều 2. Công ty TNHH Hoàng Quân có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lập hồ sơ thuê đất, nộp về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

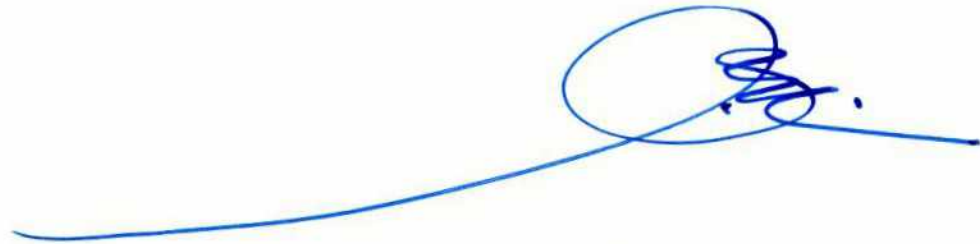
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 231/GP-UBND ngày 26/6/2014 của UBND tỉnh.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty TNHH Hoàng Quân phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Công ty TNHH Hoàng Quân;
- Các Sở: XD, CT, TN&MT;
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Cao Thịnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ KHU VỰC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG
TẠI XÃ CAO THỊNH, HUYỆN NGỌC LẶC**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: **39** /GP-UBND
ngày **05** tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1	2219 395.00	552 083.00
2	2219 437.00	552 101.00
3	2219 524.00	552 079.00
4	2219 613.00	552 098.60
5	2219 606.30	552 237.70
6	2219 467.50	552 235.60
7	2219 290.10	552 168.80
8	2219 382.40	552 107.40
9	2219 273.70	552 156.40
10	2219 375.70	552 068.40
11	2219 762.85	552 223.42
15	2219 366.38	552 076.44
16	2219 340.60	552 029.84
17	2219 288.70	552 050.85
18	2219 272.90	551 988.94
19	2219 239.47	552 000.70
20	2219 189.58	552 014.63
21	2219 216.19	552 132.54
22	2219 224.16	552 180.78
23	2219 260.95	552 178.12
24	2219 675.55	552 300.09
Tổng diện tích mỏ: 76.367,5 m²		